

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 07/9/2021
V/v “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG - TỈNH BÌNH THUẬN

-Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Lầy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Di
2. Bà Trần Thị Ngọc Linh

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Văn Hồng Lễ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Dung - Kiểm sát viên

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 131/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc: “Ly hôn, nuôi con chung ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXX-ST ngày 06 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2021/QĐHPT-ST ngày 23/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà **Phan Thị H**, sinh năm 1985; Địa chỉ: khu phố 5, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận
2. Bị đơn: ông **Nguyễn Thủy Đ**, sinh năm 1982; Địa chỉ: khu phố 5, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận
(Có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Phan Thị H trình bày: Bà và ông Nguyễn Thủy Đ tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T vào năm 2014.

Trong quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc do ông Đ không lo làm ăn mà còn cờ bạc, làm cho bà phải lo trả nợ thay ông Đ nhiều lần, vì nghĩ đến các con nên bà phải cam chịu đến bây giờ, bà và ông Đ đã ly thân nhau từ tháng 02 năm 2021. Đến nay bà không thể chịu đựng nữa đành phải ly hôn. Bản thân bà cảm thấy cuộc sống chung không hạnh nữa. Vì vậy, bà kính mong Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: 02 đứa, Nguyễn Phan Thiện T, sinh ngày 05/3/2014 và Nguyễn Phan Thiện Y, sinh ngày 23/9/2016. Nếu ly hôn bà yêu cầu nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Bà không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: có 01 ngôi nhà cấp 4, chưa có giấy chứng nhận, diện tích 178m², tại khu phố 5, thị trấn L và 01 lô sạp ở Chợ L. Đề tự thỏa thuận;

Về nợ chung: Đề tự thỏa thuận.

Bị đơn ông Nguyễn Thủy Đ trình bày tại tờ khai ngày 02/6/2021:

Về hôn nhân: Ông và bà Phan Thị H tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013 và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L. Vợ chồng sống không hạnh phúc do có nhiều bất đồng trong cuộc sống, không tôn trọng nhau nên dẫn đến ly thân, nay bà H xin ly hôn ông, ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông đồng ý giao cho bà H nuôi dưỡng, giáo dục con chung

Về tài sản và nợ chung : Đề tự thỏa thuận.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Tòa án đã triệu tập và ghi lời khai bị đơn nhưng bị đơn xin vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

- Quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị H. Bà Phan Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Thủy Đ.

- Về con chung: Giao cho bà Phan Thị H nuôi dưỡng, giáo dục các Nguyễn Phan Thiện T, sinh ngày 05/3/2014 và Nguyễn Phan Thiện Y, sinh ngày 23/9/2016 đến khi trưởng thành, bà Hà không yêu ông Đ cấp dưỡng nuôi các con.

- Về tài sản và nợ chung: Đề tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

- Về án phí: Bà Phan Thị Hà phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thủy Đ đã Tòa án đã triệu tập làm việc nhưng ông đến Tòa, tuy nhiên ông đã trình bày tại tờ khai ông xin vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa bà Phan Thị H và ông Nguyễn Thủy Đ được xác lập là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống do ông Đ cờ bạc, làm nợ, không quan tâm gì đến đời sống gia đình, không có trách nhiệm với vợ con, bà đã cố gắng chịu đựng và khuyên ông Đ nhưng ông không thay đổi, bà không thể chịu đựng được. Đến tháng 02 năm 2021 bà và ông Đ chính thức chấm dứt quan hệ vợ chồng cho đến nay. Bà H xác nhận không còn tình cảm với ông Đ nữa, nên bà yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thủy Đ.

Xét thấy, bà H và ông Đ đã ly thân nhau một thời gian dài, từ khi ly thân nhau bà H và ông Đ không tự tìm phương án hòa giải để vợ chồng cùng đoàn tụ, ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ đối với vợ con, việc này ông thừa nhận, bà H làm đơn ly hôn ông, ông chấp nhận ly hôn. Chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông Đ đã thực sự đổ vỡ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên, do ông Đ không có mặt tại phiên tòa mặc dù ông đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận theo yêu cầu ly hôn của bà H.

[3] Về con chung: Tại Tòa bà H yêu cầu nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Xét thấy, từ khi bà H và ông Đ ly thân nhau thì bà H là người trực tiếp nuôi các con chung, ông Đ bỏ mặc con không có trách nhiệm với gia đình và con cái. Chứng tỏ, ông đã vi phạm nghĩa vụ đối với các con chung, tại Tòa bà H cam đoan sẽ lo cho các con có một cuộc sống đầy đủ về mọi mặt, đồng thời nguyện vọng của các con xin được ở với mẹ, vì vậy giao cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục các con chung là phù hợp hơn.

[4] Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với ông Đ nên không xem xét;

[5] Về tài sản và nợ chung: Bà Phan Thị H không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét;

[6] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án, bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định;

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146 và Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị H. Bà Phan Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Thủy Đ.

Về con chung: Giao cho bà Phan Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục các con chung: Nguyễn Phan Thiện T, sinh ngày 05/3/2014 và Nguyễn Phan Thiện Y, sinh ngày 23/9/2016 đến khi trưởng thành, bà H không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Bà H không được cản trở ông Đ trong việc trông nom, chăm sóc và giáo dục các con chung.

Về án phí: bà Phan Thị H phải nộp **300.000đ** (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; Được trừ vào số tiền **300.000đ** (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà đã nộp tại biên lai thu số 0002808 ngày 19/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà H đã nộp đủ án phí.

[3] Quyền kháng cáo của bà Phan Thị H là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/9/2021), đối với ông Nguyễn Thủy Đ vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND xã (thị trấn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lý Văn Lầy